TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HS-ST
Ngày 08 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc và bà Nguyễn Thị Hoè.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại phòng xét xử án hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HS ngày 17/4/2024, đối với bị cáo: **Đặng Ngọc Đ,** sinh ngày 15/11/2001 tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Đặng Ngọc P và bà Phạm Thị A; có vợ là Lê Thị T và 01 người con, sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 05/10/2023 sau đó chuyển tạm giam, đến ngày 26/12/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh"; có mặt tại phiên toà.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Trần Thị D, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ dân phố 9, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

+ Chị Lê Thị H, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn 7, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1976; nơi cư trú: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Tố U, sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn D, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

+ Chị Trương Thị T, sinh năm 1987; nơi cư trú: số 348 Nguyễn Thị Đ, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

+ Chị Lê Thị H, sinh năm 1988; nơi cư trú: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971, trú tại TDP7, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1999; nơi cư trú: xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

+ Chị Bùi Thị Phương T, sinh năm 1998; nơi cư trú: tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị Kim N, sinh năm 1980; nơi cư trú: tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

+ Chị Trần Thị T, sinh năm 1983; nơi cư trú: khu phố 4, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

+ Chị Trương Thị Thúy H, sinh năm 1979; nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Chung T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tiểu khu 5, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;vắng mặt.

+ Chị Trần Thị H, sinh năm 1965; nơi cư trú: Tổ dân phố 4, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

+ Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1973; nơi cư trú: số 16B, ngõ 136 đường L, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Chòm 1, thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

+ Chị Trần Thị H1, sinh năm 1984; nơi cư trú: thôn T, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn B, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1982; nơi cư trú: Khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị B, sinh năm 1989; nơi cư trú: thôn P, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị B, sinh năm 1989; nơi cư trú: thôn M, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1985; nơi cư trú: Khu phố 1, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1998; nơi cư trú: Khu phố 1, phường 4, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Anh Trương Văn P, sinh năm 2002; nơi cư trú: số 29 Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Chị Lê Thị H, sinh năm 1963; nơi cư trú: khu phố H, thị trấn , huyện V, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Chị Trần Thị Hồng T, sinh năm 1968; nơi cư trú: thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Chị Võ Thị Lan N, sinh năm 1994; nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Chị Bùi Thị H, sinh năm 1984; nơi cư trú: số 12 K, khu phố 5, phường 2, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Chị Võ Thị H, sinh năm 1986; nơi cư trú: khu phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Chị Lê Thị Thúy P, sinh năm 1973; nơi cư trú: số 17/1/T, Khu phố 7, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Chị Lê Thị E, sinh năm 1978; nơi cư trú: số 373/6 L, khu phố 3, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Diệu T, sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Chị Trần Thị T, sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn X, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Chị Ngô Thị T, sinh năm 1975; nơi cư trú: Đội 6, thôn T, xã H thị xã Q, tỉnh Quảng Trị;vắng mặt.

+ Chị Dương Thị H; nơi cư trú: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Chị Trần Thị Thu P, sinh năm 1991; nơi cư trú: thôn H, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Chị Trần Thị Anh T; nơi cư trú: thôn, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; nơi cư trú: X, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn X, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Chị Trần Thị M, sinh năm 1979; nơi cư trú: thôn X, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1984; nơi cư trú: thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị T, sinh năm 1960; nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1978; nơi cư trú: số 20 H, Khu phố 6, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Chị Trần Thị H3, sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Chị Đặng Thị Minh H, sinh năm 1981; nơi cư trú: Khu phố 3, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

+ Chị Phan Thị Yến N, sinh năm 1998; nơi cư trú: khu phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ đầu năm 2023 đến ngày 05/10/2023, Đặng Ngọc Đ vào tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị sử dụng điện thoại di động, tài khoản Zalo tên "Hoàng", tài khoản Faceboocb tên "Cho vay trả góp Quảng Bình - 0981076003" và tài khoản Faceboob cá

nhân tên "Đ Hải" tiếp cận với những người có nhu cầu vay tiền. Khi gặp những người cần vay tiền, Đ thỏa thuận với người vay về định mức gói vay, mức tiền trả góp mỗi ngày, thời gian trả góp, tiền phí của khoản vay, nếu người vay đồng ý thì Đ cho vay. Đ thu tiền trả góp thông qua tài khoản số 34538699999 mở tại ngân hàng MBBank mang tên Đ và tài khoản sô 56783288888 mở tại ngân hàng MBBank mang tên Lê Thị T hoặc trực tiếp gặp người vay để thu tiền. Với phương thức nêu trên, Đặng Ngọc Đ đã cho 46 người vay tiền với 82 gói vay, cụ thể như sau:

01. Chị Trần Thị D vay 01 gói:

Đầu năm 2023, Đ cho chị D vay 7.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả 350.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu thêm tiền phí 700.000 đồng. Chị D đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 8.750.000 đồng, trong đó tiền lãi 1.750.000 đồng (tiền lãi bất chính 1.654.110 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 2.354.110 đồng.

02. Chị Lê Thị H vay 01 gói:

Khoảng tháng 3/2023, Đ cho chị H vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả 500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu thêm tiền phí 800.000 đồng. Chị H đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi 2.500.000 đồng (tiền lãi bất chính 2.363.014 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 3.163.014 đồng.

03. Chị Nguyễn Thị Kim T vay 01 gói:

Khoảng tháng 3/2023, Đ cho chị T vay 20.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu thêm tiền phí 1.000.000 đồng. Chị T đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 5.000.000 đồng (tiền lãi bất chính 4.726.027 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 5.726.027 đồng.

04. Chị Nguyễn Thị Tố U vay 01 gói:

Khoảng tháng 02/2023, chị U vay 20.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu thêm tiền phí 2.000.000 đồng . Chị U đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 5.000.000 đồng (tiền lãi bất chính là 4.726.027 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 6.726.027 đồng.

05. Chị Trương Thị T vay 03 gói từ cuối năm 2022 đến tháng 02/2023:

- Gói 1: Vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu thêm tiền phí 500.000 đồng. Chị T đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi 2.500.000 đồng (tiền lãi bất chính 2.363.014 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 2.836.014 đồng.

- Gói 2: Vay 10.000.000 đồng với cách thức như gói 1 (Đ không thu phí). Chị T đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi 2.500.000 đồng (lãi bất chính 2.363.014 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 2.363.014 đồng.

- Gói 3: Vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Chị T đã trả được 14 ngày với tổng số tiền là 7.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.400.000 đồng (lãi bất chính là 1.323.288 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính được

tính tương đương với 25 ngày theo thỏa thuận là 2.836.014 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính thực tế là 1.823.288 đồng. Chị Tuyết chưa trả số tiền nợ gốc là 5.600.000 đồng.

06. Chị Lê Thị H vay 03 gói vào tháng 3/2023:

- Gói 1: Vay 20.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 1.000.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu thêm tiền phí 1.000.000 đồng. Chị H đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 5.000.000 đồng (lãi bất chính là 4.726.027 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 5.762.027 đồng.

- Gói 2: Vay 20.000.000 đồng cách thức như gói 01. Chị H đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 5.000.000 đồng (lãi bất chính là 4.726.027 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 5.762.027 đồng.

- Gói 3 vay 20.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 1.000.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Chị trả xong gói vay với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 5.000.000 đồng (lãi bất chính là 4.726.027 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 4.762.027 đồng.

07. Chị Nguyễn Thị H (trú tại phường H, thành phố Đ) vay 01 gói:

Đầu năm 2023, Đ cho chị H vay 20.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 1.000.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu thêm tiền phí 1.500.000 đồng. Chị H đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 5.000.000 đồng (lãi bất chính là 4.726.027 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 6.226.027 đồng.

08. Chị Nguyễn Thị H (trú tại xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh) vay 01 gói:

Khoảng cuối tháng 3/2023, Đ cho chị T vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu thêm tiền phí 500.000 đồng. Chị H đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi 2.500.000 đồng (lãi bất chính 2.363.014 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 2.863.014 đồng.

09. Chị Bùi Thị Phương T vay 01 gói:

Khoảng tháng 02/2023, Đ cho chị T vay 15.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 750.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu thêm tiền phí 1.500.000 đồng. Chị T đã trả được 05 ngày với số tiền là 3.750.000 đồng, trong đó tiền lãi 750.000 đồng (lãi bất chính là 708.904 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính được tính tương đương với 25 ngày theo thỏa thuận là 5.044.521 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính thực tế là 2.208.904 đồng. Chị T chưa trả số tiền gốc là 12.000.000 đồng.

10. Chị Phạm Thị Kim N vay 02 gói vào tháng 3/2023:

- Gói 1: Vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 1.000.000 đồng tiền phí vay. Chị N đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.500.000 đồng (lãi bất chính là 2.363.014 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 3.363.014 đồng.

- Gói 2: Vay 15.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 750.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1

năm). Đ thu 1.500.000 đồng tiền phí vay. Chị N đã trả 17 ngày với tổng số tiền là 12.750.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.550.000 đồng (lãi bất chính là 2.410.274 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính được tính tương đương với 25 ngày theo thỏa thuận là 5.044.521 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính thực tế là 3.910.274 đồng. Chị N chưa trả số tiền gốc là 4.800.000 đồng.

11. Chị Trần Thị T vay 3 gói từ tháng 02 đến tháng 3/2023:

- Gói 1: Vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 1.000.000đ tiền phí vay. Chị T đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 12.500.000đ, trong đó tiền lãi là 2.500.000đ (lãi bất chính là 2.363.014đ). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 3.363.014 đồng.

- Gói 2: Vay 15.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 750.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 1.500.000 đồng tiền phí vay. Chị T đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 18.750.000 đồng, trong đó tiền lãi là 3.750.000 đồng (lãi bất chính là 3.544.521 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 5.044.521 đồng.

- Gói 3: Vay 15.000.000 đồng cách thức như gói 2. Chị T đã trả 18 ngày với tổng số tiền là 13.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.700.000 đồng (lãi bất chính là 2.552.055 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính được tính tương đương với 25 ngày theo thỏa thuận là 5.044.521 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính thực tế là 3.910.274 đồng là 4.052.055 đồng. Chị T chưa trả số tiền gốc là 2.700.000 đồng

12. Chị Trương Thị Thúy H vay 03 gói:

- Gói 1: Tháng 02/2023, vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 500.000đ cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 1.000.000 đồng tiền phí vay. Chị H đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 12.500.000đ, trong đó tiền lãi là 2.500.000đ (lãi bất chính là 2.363.014đ). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 3.363.014 đồng

- Gói 2: Tháng 3/2023 vay 10.000.000đ cách thức như gói 1. Chị H đã trả xong. Số tiền Đ thu lợi bất chính là 3.363.014 đồng.

- Gói 3: Tháng 4/2023 vay 10.000.000đ cách thức như gói 1. Chị H đã trả được 15 ngày với tổng số tiền là 7.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.500.000 đồng (lãi bất chính là 1.417.808 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 2.417.808 đồng.

13. Chị Nguyễn Thị Chung T vay 03 gói vào tháng 02/2023:

- Gói 1: Vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 1.000.000 đồng tiền phí vay. Chị T đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.500.000 đồng (lãi bất chính là 2.363.014 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 3.363.014 đồng

- Gói 2: Vay 10.000.000 đồng cách thức như gói 01. Chị T đã trả xong. Số tiền Đ thu lợi bất chính là 3.363.014 đồng

- Gói 3: Vay 10.000.000 đồng, cách thức như gói 01. Chị T đã trả xong. Số tiền Đ thu lợi bất chính là 3.363.014 đồng.

14. Chị Trần Thị H vay 02 gói:

- Gói 1: Ngày 21/3/2023, vay 20.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ

ngày vay, mỗi ngày trả góp 1.000.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 2.000.000 đồng tiền phí vay. Chị H đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 5.000.000 đồng (lãi bất chính là 4.726.027 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 6.726.027 đồng.

- Gói 2: Ngày 06/4/2023, vay 20.000.000 đồng với cách thức như gói 1. Chị H trả 10 ngày với tổng số tiền là 10.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng (lãi bất chính là 1.890.411đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính được tính tương đương với 25 ngày theo thỏa thuận là 6.726.027 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính thực tế là 3.890.411 đồng. Chị H chưa trả số tiền gốc là 12.000.000 đồng

15. Chị Hoàng Thị L vay 04 gói vào tháng 02/2023:

- Gói 1: Vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 500.000 đồng tiền phí vay. Chị L đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.500.000 đồng (lãi bất chính là 2.363.014 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 2.863.014 đồng.

- Gói 2: Vay 10.000.000 đồng cánh thức như gói 1. Chị L đã trả xong gói vay. Số tiền Đ thu lợi bất chính là 2.863.014 đồng.

- Gói 3: Vay 20.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 1.000.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 1.000.000 đồng tiền phí vay. Chị L đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 5.000.000 đồng (lãi bất chính là 4.726.027 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 5.726.027 đồng.

- Gói 4: Vay 20.000.000 đồng, cách thức như gói 3. Chị L đã trả 17 ngày với tổng số tiền là 17.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 3.400.000 đồng (lãi bất chính là 3.213.699 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính được tính tương đương với 25 ngày theo thỏa thuận là 5.726.027 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính thực tế là 4.213.699 đồng. Chị L chưa trả số tiền gốc là 6.400.000 đồng.

16. Chị Nguyễn Thị Mai H vay 02 gói:

- Gói 1: Ngày 05/4/2023 vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 800.000 đồng tiền phí vay. Chị H đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.500.000 đồng (lãi bất chính là 2.363.014đ). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 2.863.014 đồng.

- Gói 2: Ngày 19/4/2023, vay 10.000.000 đồng cách thức như gói 1. Chị H đã trả 19 ngày với tổng số tiền là 9.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.900.000 đồng (lãi bất chính là 1.795.890 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính được tính tương đương với 25 ngày theo thỏa thuận là 2.863.014 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính thực tế là 2.595.890 đồng. Chị H chưa trả số tiền gốc là 2.400.000 đồng.

17. Chị Trần Thị H1 vay 01 gói:

Đầu năm 2023, chị H vay 10.000.000 đồng, góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 1.000.000 đồng tiền phí vay. Chị H dã trả xong gói vay với tổng số tiền là 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.500.000 đồng (lãi bất chính là 2.363.014 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 3.363.014 đồng.

18. Chị Nguyễn Thị Ngọc Q vay 02 gói vào đầu năm 2023:

- Gói 1: Vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 1.000.000 đồng tiền phí vay. Chị Q đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.500.000 đồng (lãi bất chính là 2.363.014 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 3.363.014 đồng.

- Gói 2: Vay 15.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 750.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 1.500.000 đồng tiền phí vay. Chị Q đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 18.750.000 đồng, trong đó tiền lãi là 3.750.000 đồng (lãi bất chính là 3.544.521 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 5.044.521 đồng.

19. Chị Nguyễn Thị Q vay 01 gói:

Ngày 03/5/2023, vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 1.000.000 đồng tiền phí vay. Chị Q dã trả xong gói vay với tổng số tiền là 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.500.000 đồng (lãi bất chính là 2.363.014 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 3.363.014 đồng.

20. Chị Phạm Thị B vay 02 gói vào tháng 3/2023:

- Gói 1: Vay 40.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 2.000.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 4.000.000 đồng tiền phí vay. Chị B đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 50.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 10.000.000 đồng (lãi bất chính là 9.452.055 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 11.452.055 đồng .

- Gói 2: Vay 50.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 2.500.000đ cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 5.000.000 đồng tiền phí vay. Chị B đã trả được 09 ngày với tổng số tiền là 22.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 4.500.000 đồng (lãi bất chính là 4.253.425 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính được tính tương đương với 25 ngày theo thỏa thuận là 16.815.070 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính thực tế là 9.253.425 đồng. Chị B chưa trả số tiền gốc là 32.000.000 đồng.

21. Chị Phạm Thị T vay 02 gói:

- Gói 1: Đầu tháng 5/2023, vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 1.000.000 đồng tiền phí vay. Chị T đã trả xong với tổng số tiền là 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.500.000 đồng (lãi bất chính là 2.363.014 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 3.363.014 đồng.

- Gói 2: Giữa tháng 5/2023, vay 20.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 1.000.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 2.000.000 đồng tiền phí vay. Chị T đã trả xong với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 5.000.000 đồng (lãi bất chính là 4.726.027 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 6.726.027 đồng.

22. Chị Phạm Thị Thùy D vay 01 gói:

Tháng 5/2023, vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1

năm). Đ thu 500.000 đồng tiền phí vay. Chị D đã trả được 13 ngày với tổng số tiền là 6.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.300.000 đồng (lãi bất chính là 1.228.767 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính được tính tương đương với 25 ngày theo thỏa thuận là 2.863.014 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính thực tế là 1.728.767 đồng. Chị D chưa trả số tiền gốc là 4.800.000 đồng.

23. Chị Nguyễn Thị Hồng T vay 01 gói:

Giữa tháng 9/2023, vay 5.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 250.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 300.000 đồng tiền phí vay. Chị T đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 6.250.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.250.000 đồng (lãi bất chính là 1.181.507 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 1.481.507 đồng .

24. Anh Trương Văn P vay 01 gói:

Giữa tháng 4/2023, vay 5.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 250.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 300.000 đồng tiền phí vay. Anh P đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 6.250.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.250.000 đồng (lãi bất chính là 1.181.507 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 1.481.507 đồng.

25. Chị Lê Thị H vay 02 gói trong tháng 4/2023:

- Gói 1: Vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 500.000 đồng tiền phí vay. Chị H đã trả xong với tổng số tiền là 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.500.000 đồng (lãi bất chính là 2.363.014 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 2.863.014 đồng.

- Gói 2: Vay 10.000.000 đồng cách thức như gói 1. Chị H đã trả được 20 ngày vay với tổng số tiền là 10.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng (lãi bất chính là 1.890.411 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính được tính tương đương với 25 ngày theo thỏa thuận là 2.863.014 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính thực tế là 1.728.767 đồng. Chị H chưa trả số tiền gốc là 2.000.000 đồng.

26. Chị Trần Thị Hồng T vay 02 gói đầu năm 2023:

- Gói 1: Vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 30 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 400.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 500.000 đồng tiền phí vay. Chị T đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng (lãi bất chính là 1.835.616 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 2.435.616 đồng.

- Gói 2: Vay 15.000.000 đồng, trả góp trong 30 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 600.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 600.000 đồng tiền phí vay. Chị T đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 18.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 3.000.000 đồng (lãi bất chính là 2.753.425 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 3.353.425 đồng.

27. Chị Võ Thị Lan N vay 02 gói vào tháng 5/2023:

- Gói 1: Vay 5.000.000 đồng, trả góp trong 30 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 200.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 500.000 đồng tiền phí vay. Chị N đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.000.000 đồng (lãi bất chính là 917.808 đồng).

Số tiền Đ thu lợi bất chính là 1.417.808 đồng..

- Gói 2: Vay 5.000.000 đồng, cách thức như gói 1. Chị N đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.000.000 đồng (lãi bất chính là 917.808 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 1.417.808 đồng.

28. Chị Bùi Thị H vay 01 gói:

Tháng 5/2023, vay 5.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 250.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 500.000 đồng tiền phí vay. Chị H đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 6.250.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.250.000 đồng (lãi bất chính là 1.181.507 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 1.681.507 đồng.

29. Chị Võ Thị H vay 01 gói:

Tháng 5/2023, vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp trong 40 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 500.000 đồng tiền phí vay. Chị H đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng (lãi bất chính là 1.780.822 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 2.280.822 đồng.

30. Chị Lê Thị Thúy P vay 03 gói trong tháng 7, 8 năm 2023:

- Gói 1: Vay 5.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 250.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 500.000đ tiền phí vay. Chị P đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 6.250.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.250.000 đồng (lãi bất chính là 1.181.507 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 1.681.507 đồng.

- Gói 2: Vay 5.000.000đ cách thức như gói 1. Chị P đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 6.250.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.250.000 đồng (lãi bất chính là 1.181.507 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 1.681.507 đồng

- Gói 3: Vay 5.000.000 đồng, cách thức như gói 1. Chị P đã trả được 23 ngày vay với tổng số tiền là 5.750.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.150.000 đồng (lãi bất chính là 1.086.986 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính được tính tương đương với 25 ngày theo thỏa thuận là 1.681.507 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính thực tế là 1.586.986 đồng. Chị P chưa trả số tiền gốc là 400.000 đồng.

31. Chị Lê Thị E vay 01 gói:

Ngày 04/8/2023, vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 1.000.000 đồng tiền phí vay. Chị E đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.500.000 đồng (lãi bất chính là 2.363.014 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 3.363.014 đồng.

32. Chị Nguyễn Diệu T vay 03 gói từ tháng 5-8/2023:

- Gói 1: Vay 5.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 250.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 500.000 đồng tiền phí vay. Chị T đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 6.250.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.250.000 đồng (lãi bất chính là 1.181.507 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 1.681.507 đồng.

- Gói 2: Vay 14.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 700.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1

năm). Đ thu 1.400.000 đồng tiền phí vay. Chị T đã trả được 13 ngày vay với tổng số tiền là 9.100.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.820.000 đồng (lãi bất chính là 1.720.274 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính được tính tương đương với 25 ngày theo thỏa thuận 4.708.219 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính thực tế là 3.120.274 đồng. Chị Trinh chưa trả số tiền gốc là 6.720.000 đồng.

- Gói 3: Vay 14.000.000 đồng, cách thức như gói 2. Chị T đã trả được 8 ngày vay với tổng số tiền là 5.600.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.120.000 đồng (lãi bất chính là 1.058.630 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính được tính tương đương với 25 ngày theo thỏa thuận 4.708.219 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính thực tế là 2.458.630 đồng. Chị T chưa trả số tiền gốc là 9.520.000 đồng

33. Chị Trần Thị T vay 01 gói:

Cuối tháng 5/2023, vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 500.000 đồng tiền phí vay. Chị T đã trả xong gói vay với số tiền là 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.500.000 đồng (lãi bất chính là 2.363.014 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 2.863.014 đồng.

34. Chị Ngô Thị T vay 01 gói:

Ngày 31/5/2023, vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 1.000.000 đồng tiền phí vay. Chị T đã trả được 7 ngày vay với số tiền là 3.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 700.000 đồng (lãi bất chính là 661.644 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính được tính tương đương với 25 ngày theo thỏa thuận là 3.63.014 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính thực tế là 1.661.644 đồng. Chị T chưa trả số tiền gốc là 7.200.000 đồng.

35. Chị Dương Thị H vay 05 gói từ ngày 13/6/2023 đến 20/9/2023:

- Gói 1: Vay 5.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 250.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 500.000 đồng tiền phí vay. Chị H đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 6.250.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.250.000 đồng (lãi bất chính là 1.181.507 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 1.681.507 đồng.

- Gói 2: Vay 5.000.000 đồng, cách thức như gói 1. Chị H đã trả xong gói vay. Số tiền Đ thu lợi bất chính là 1.681.507 đồng.

- Gói 3: Vay 5.000.000 đồng, cách thức như gói 1. Chị H đã trả xong gói vay. Số tiền Đ thu lợi bất chính là 1.681.507 đồng.

- Gói 4: Vay 4.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 200.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Chị H đã trả xong gói vay với số tiền là 5.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.000.000 đồng (lãi bất chính là 945.205 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 945.205đ đồng

- Gói 5: Vay 4.000.000 đồng, cách thức vay như gói 4. Chị H trả được 15 ngày (từ ngày vay đến ngày Đ bị phát hiện) với số tiền là 3.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 600.000 đồng (lãi bất chính là 567.123 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 567.123 đồng. Chị H chưa trả số tiền gốc là 1.600.000 đồng.

36. Chị Trần Thị Thu P vay 05 gói vào đầu năm 2023:

- Gói 1: Vay 5.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 250.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 500.000 đồng tiền phí vay. Chị P đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 6.250.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.250.000 đồng (lãi bất chính là 1.181.507 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 1.681.507 đồng.

- Gói 2: Vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 1.000.000 đồng tiền phí vay. Chị P đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.500.000 đồng (lãi bất chính là 2.363.014 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 3.363.014 đồng.

- Gói 3: Vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Chị P đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.500.000 đồng (lãi bất chính là 2.363.014đ). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 2.363.014 đồng.

- Gói 4: Vay 10.000.000 đồng, cách thức như gói 3. Chị P đã trả xong. Số tiền Đ thu lợi bất chính là 2.363.014 đồng.

- Gói 5: Vay 10.000.000 đồng, cách thức như gói 3. Chị P đã trả xong. Số tiền Đ thu lợi bất chính là 2.363.014 đồng.

37. Chị Trần Thị Anh T vay 02 gói:

- Gói 1: Ngày 12/7/2023, vay 20.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 1.000.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 2.000.000 đồng tiền phí vay. Chị T đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 5.000.000 đồng (lãi bất chính là 4.726.027 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 6.726.027 đồng.

- Gói 2: Đầu tháng 8/2023, vay 15.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 750.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 1.500.000 đồng tiền phí vay. Chị T đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 18.750.000 đồng, trong đó tiền lãi là 3.750.000 đồng (lãi bất chính là 3.544.521 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 5.044.521 đồng.

38. Chị Nguyễn Thị L vay 01 gói:

Tháng 7/2023, vay 50.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 2.500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 5.000.000 đồng tiền phí vay. Chị L đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 62.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 12.500.000 đồng (lãi bất chính là 11.815.068 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 16.815.068 đồng.

39. Chị Nguyễn Thị T vay 02 gói vào tháng 6/2023:

- Gói 1: Vay 6.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 600.000 đồng tiền phí vay. Chị T đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 7.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.500.000 đồng (lãi bất chính là 1.417.808 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 2.017.808 đồng.

- Gói 2: Vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1

năm). Đ thu 1.000.000 đồng tiền phí vay. Chị T đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.500.000 đồng (lãi bất chính là 2.363.014 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 3.363.014 đồng.

40. Chị Trần Thị M vay 01 gói:

Cuối tháng 7/2023, vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 800.000 đồng tiền phí vay. Chị M đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.500.000 đồng (lãi bất chính là 2.363.014 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 3.163.014 đồng.

41. Chị Lê Thị Thu H vay 01 gói:

Tháng 8/2023, vay 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 250.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Chị H đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 6.250.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.250.000 đồng (lãi bất chính là 1.181.507 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 1.181.507 đồng

42. Chị Phạm Thị T vay 01 gói:

Khoảng cuối tháng 9/2023, vay 10.000.000 đồng, góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 1.000.000 đồng tiền phí vay. Chị T đã trả được 17 ngày (từ ngày vay đến ngày Đ bị phát hiện) với tổng số tiền là 8.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.700.000 đồng (lãi bất chính là 1.606.849 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 2.606.849 đồng. Chị chưa trả số tiền gốc là 3.200.000 đồng.

43. Chị Nguyễn Thị Kim H vay 01 gói:

Tháng 9/2023, vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 500.000 đồng tiền phí vay. Chị H đã trả được 18 ngày (từ ngày vay đến ngày Đ bị phát hiện) với tổng số tiền là 9.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.800.000 đồng (lãi bất chính là 1.701.370 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 2.201.370 đồng. Chị H chưa trả số tiền gốc là 2.800.000 đồng.

44. Chị Trần Thị H3 vay 01 gói:

Khoảng cuối tháng 9/2023, vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 500.000 đồng tiền phí vay. Chị H3 đã trả được 5 ngày (từ ngày vay đến ngày Đ bị phát hiện) với tổng số tiền là 2.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 500.000 đồng (lãi bất chính là 472.603 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 972.603 đồng. Chị H3 chưa trả số tiền gốc là 8.000.000 đồng.

45. Chị Đặng Thị Minh H vay 01 gói:

Tháng 9/2023, vay 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp trong 30 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 200.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 500.000 đồng tiền phí vay. Chị H đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.000.000 đồng (lãi bất chính là 917.808 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 1.417.808 đồng.

46. Chị Phan Thị Yến N vay 01 gói:

Tháng 10/2023, vay 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp trong 25 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày trả góp 1.500.000 đồng cả tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). Đ thu 2.500.000 đồng tiền phí vay. Chị N trả xong gói vay với tổng số tiền là 37.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 7.500.000 đồng (lãi bất chính là 7.089.041 đồng). Số tiền Đ thu lợi bất chính là 9.589.041 đồng.

Theo danh sách trích xuất từ điện thoại của bị cáo Đặng Ngọc Đ có 96 người vay, Cơ quan điều tra đã xác định được 46 người vay nêu trên. Số còn lại, có 01 người vay tiền với mức lãi suất 43,8%/năm trong giới hạn quy định của Bộ luật dân sự; 04 người được xác định là không vay và 45 người còn lại không đủ thông tin nhân thân và vắng mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra xử lý sau.

Đối với Lê Thị T là người cho Đặng Ngọc Đ mượn số tài khoản ngân hàng để nhận tiền, chuyển tiền nhưng không biết mục đích của Đặng Ngọc Đ nên không xử lý.

Các vật chứng vụ án mà Cơ quan điều tra thu giữ chuyển theo hồ sơ vụ án:

- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 017571 mang tên Dương Thanh H.
- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 017262 mang tên Lê Anh S.
- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 006327 mang tên Nguyễn N.
- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 000905 mang tên Đặng B.
- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 75006497 mang tên Nguyễn A.
- 01 (một) giấy phép lái xe số AU672259 mang tên Phùng Thị Anh T.
- 01 (một) giấy phép lái xe số AP724237 mang tên Nguyễn Thị Kim H.
- 01 (một) giấy phép lái xe số 451131003383 mang tên Ngô Thị T.
- 01 (một) giấy phép lái xe số 451224082640 mang tên Lê Thị Thúy P.
- 01 (một) giấy phép lái xe số 451202000235 mang tên Trần Thị Anh T.
- 01 (một) CCCD số 045194003400 mang tên Lê Thị D.
- 01 (một) CCCD số 026160006927 mang tên Phạm Thị T.
- 01 (một) CCCD số 045058002787 mang tên Tạ Quang Đ.
- 01 (một) CCCD số 045179000866 mang tên Trần Thị M.
- 01 (một) CCCD số 045187000538 mang tên Trần Thị T.
- 01 (một) CMND số 197004685 mang tên Hồ Thị Hồng Y.
- 01 (một) CMND số 197087973 mang tên Phùng Thị Anh T.
- 01 (một) CMND không rõ số, mang tên Trần Thị Anh T, sinh ngày 11/7/1978, trú tạ- Phường 1, TP. Đ, Quảng Trị.
- 01 (một) thẻ thư viện số T32-17.171-SOGD 1703 mang tên Phạm Thị Thùy D.
- 01 (một) bằng tốt nghiệp cao đẳng số A0001717 mang tên Lê Thị H.
- 01 (một) sổ hộ khẩu số 510209383 mang tên chủ hộ Nguyễn Thị Ngọc P.
- 01 (một) sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Trần T, sinh ngày 04/01/1973, trú tại A, T, T, Quảng Trị.
- 02 (hai) giấy khai sinh mang tên Nguyễn Thị Mỹ Y, sinh ngày 18/02/2000, quê quán Q, Q, Thừa Thiên Huế.
- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 30C003513 mang tên Trần Thị H3.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 30C8001318 mang tên Lê H.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 30C003698 mang tên Hoàng Văn Q.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số 2802708129-002 mang tên Mai Thị H.

- 20 (hai mươi) tờ giấy có ghi nội dung liên quan đến việc vay, mượn tiền được đánh số từ 01 đến 20.

Thu giữ chuyển kho vật chứng thuộc Phòng Cảnh sát thi hành án và hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh Quảng Bình: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng đồng, số IMEI: 356572087095590, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

Cáo trạng số 309/CTr-VKS-P3 ngày 14/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị cáo Đặng Ngọc Đ về "Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đặng Ngọc Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 38; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Ngọc Đ từ 12 đến 15 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định.

Về vật chứng của vụ án và biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng đồng, số IMEI: 356572087095590, mà bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 017262 mang tên Lê Anh S; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 75006497 mang tên Nguyễn A; 01 (một) giấy phép lái xe số AU672259 mang tên Phùng Thị Anh ơ; 01 (một) giấy phép lái xe số 451224082640 mang tên Lê Thị Thúy P; 01 (một) CCCD số 045194003400 mang tên Lê Thị D; 01 (một) CCCD số 045058002787 mang tên Tạ Quang Đ; 01 (một) CMND số 197004685 mang tên Hồ Thị Hồng Yến; 01 (một) CMND số 197087973 mang tên Phùng Thị Anh T; 01 (một) thẻ thư viện số T32-17.171-SOGD 1703 mang tên Phạm Thị Thùy D; 01 (một) bằng tốt nghiệp cao đẳng số A0001717 mang tên Lê Thị H; 01 (một) sổ hộ khẩu số 510209383 mang tên chủ hộ Nguyễn Thị Ngọc P; 01 (một) sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Trần T; 02 (hai) giấy khai sinh mang tên Nguyễn Thị Mỹ Y; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số 2802708129-002 mang tên Mai Thị H và 20 (hai mươi) tờ giấy có ghi nội dung liên quan đến việc vay, mượn tiền được đánh số từ 01 đến 20.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 017571 mang tên Dương Thanh Hùng trả cho chị Dương Thị H.

+ 01 (một) CCCD số 045179000866 mang tên Trần Thị M trả lại cho chị Trần Thị M.

+ 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 000905 mang tên Đặng Bường trả cho chị Đặng Thị Minh H.

+ 01 (một) giấy phép lái xe số AP724237 mang tên Nguyễn Thị Kim H trả cho chị Nguyễn Thị Kim H.

+ 01 (một) giấy phép lái xe số 451202000235 mang tên Trần Thị Anh T và 01 (một) CMND không rõ số, mang tên Trần Thị Anh T trả cho chị Trần Thị Anh T.

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 30C8001318 mang tên Lê Hoa trả cho chị Lê Thị H.

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 30C003698 mang tên Hoàng Văn Quý trả cho chị Nguyễn Thị L.

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 30C003513 mang tên Trần Thị H3 trả cho chị Trần Thị H3.

+ 01 (một) CCCD số 045187000538 mang tên Trần Thị T trả lại cho chị Trần Thị T.

+ 01 (một) giấy phép lái xe số 451131003383 mang tên Ngô Thị T và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 006327 mang tên Nguyễn Nam trả lại cho chị Ngô Thị T.

+ 01 (một) CCCD số 026160006927 mang tên Phạm Thị T trả cho chị Phạm Thị T.

- Buộc bị cáo Đặng Ngọc Đ nộp lại số tiền gốc đã cho vay mà bị cáo đã thu hồi là 894.860.000 đồng và số tiền lãi bị cáo thu được theo quy định của Bộ luật Dân sự là 12.391.233 đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Đặng Ngọc Đ phải trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thu được là 287.248.766 đồng (gồm: tiền lãi bất chính là 207.748.766 đồng, tiền phí 79.500.000 đồng).

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp để sung vào Ngân sách nhà nước số tiền gốc chưa thanh toán cho bị cáo Đặng Ngọc Đ với tổng số tiền là 124.140.000 đồng, cụ thể: chị Trương Thị T 5.600.000 đồng; chị Bùi Thị Phương T 12.000.000 đồng; chị Phạm Thị Kim N 4.800.000 đồng; chị Trần Thị T 2.700.000 đồng; chị Trần Thị H 12.000.000 đồng; chị Hoàng Thị L 6.400.000 đồng; chị Nguyễn Thị Mai H 2.400.000 đồng; chị Phạm Thị B 32.000.000 đồng; chị Phạm Thị Thùy D 4.800.000 đồng; chị Lê Thị H 2.000.000 đồng; chị Lê Thị Thúy P 400.000 đồng; chị Nguyễn Diệu T 16.240.000 đồng; chị Ngô Thị T 7.200.000 đồng; chị Dương Thị H 1.600.000 đồng; chị Phạm Thị T 3.200.000 đồng; chị Nguyễn Thị Kim H 2.800.000 đồng; chị Trần Thị H3 8.000.000 đồng.

- Tuyên án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định.

Sau khi tranh tụng, bị cáo Đặng Ngọc Đ nhất trí với tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố và luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa. Tại lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng của mình là trái pháp luật và bày tỏ sự ăn năn hối cải về hành vi đó. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Tại phiên tòa, trừ chị Đặng Thị Minh H, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án còn lại đều vắng mặt, tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra đã thu thập đầy đủ lời khai, tài liệu chứng cứ liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc những người tham gia tố tụng này vắng mặt tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2]. Về xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Đặng Ngọc Đ đều thống nhất khai nhận, trong thời gian từ đầu năm 2023 đến ngày 05/10/2023, Đặng Ngọc Đ cho 46 người vay tiền với 82 gói vay, tổng số tiền cho vay là 1.019.000.000 đồng với mức lãi suất cho vay 365%/năm gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 287.248.766 đồng (gồm: tiền lãi bất chính là 207.748.766 đồng, tiền phí 79.500.000 đồng). Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận, bị cáo Đặng Ngọc Đ đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số: 309/CTr-VKS-P3 ngày 14/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Đặng Ngọc Đ về tội danh, điều luật, khung hình phạt đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xem xét tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tài chính, tiền tệ, mà còn làm cho người vay tiền đã khó khăn còn lâm vào hoàn cảnh khó khăn hơn; hành vi cho vay lãi nặng cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có đủ năng lực nhận biết được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn hưởng lợi bất chính cộng với ý thức coi thường pháp luật nên vẫn cố ý thực hiện.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo trước khi phạm tội, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau: mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về áp dụng hình phạt: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi

phạm tội mà bị cáo gây ra, nhằm giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[6]. Về biện pháp tư pháp: Cần áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự xử lý như sau:

- Đối với số tiền 1.019.000.000 đồng là tổng số tiền gốc bị cáo Đặng Ngọc Đ sử dụng cho 46 người vay, đây là số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước. Trong số tiền nói trên, bị cáo đã thu lại được tổng số tiền gốc là 894.860.000 đồng nên buộc bị cáo phải nộp lại số tiền này để sung vào ngân sách Nhà nước. Số tiền còn lại mà người vay chưa trả cho bị cáo là 124.140.000 đồng cần buộc những người vay nộp lại đẻ sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

- Chị Trương Thị T phải nộp số tiền 5.600.000 đồng; chị Bùi Thị Phương T phải nộp số tiền 12.000.000 đồng; chị Phạm Thị Kim N phải nộp số tiền 4.800.000 đồng; chị Trần Thị T phải nộp số tiền 2.700.000 đồng; chị Trần Thị H phải nộp số tiền 12.000.000 đồng; chị Hoàng Thị L phải nộp số tiền 6.400.000 đồng; chị Nguyễn Thị Mai H phải nộp số tiền 2.400.000 đồng; chị Phạm Thị B phải nộp số tiền 32.000.000 đồng; chị Phạm Thị Thùy D phải nộp số tiền 4.800.000 đồng; chị Lê Thị H phải nộp số tiền 2.000.000 đồng; chị Lê Thị Thúy P phải nộp số tiền 400.000 đồng; chị Nguyễn Diệu T phải nộp số tiền 16.240.000 đồng; chị Ngô Thị T phải nộp số tiền 7.200.000 đồng; chị Dương Thị H phải nộp số tiền 1.600.000 đồng; chị Phạm Thị T phải nộp số tiền 3.200.000 đồng; chị Nguyễn Thị Kim H phải nộp số tiền 2.800.000 đồng; chị Trần Thị H3 phải nộp số tiền 8.000.000 đồng.

- Đối với số tiền 12.391.233 đồng là khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay, cần buộc bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Đặng Ngọc Đ trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính thực tế là 287.248.766 đồng (gồm: tiền lãi bất chính là 207.748.766 đồng, tiền phí 79.500.000 đồng)

[7]. Về xử lý vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng đồng, số IMEI: 356572087095590, mà bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 017262 mang tên Lê Anh S; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 75006497 mang tên Nguyễn A; 01 (một) giấy phép lái xe số AU672259 mang tên Phùng Thị Anh T; 01 (một) giấy phép lái xe số 451224082640 mang tên Lê Thị Thúy P; 01 (một) CCCD số 045194003400 mang tên Lê Thị D; 01 (một) CCCD số 045058002787 mang tên Tạ Quang Đ; 01 (một) CMND số 197004685 mang tên Hồ Thị Hồng Y; 01 (một) CMND số 197087973 mang tên Phùng Thị Anh T; 01 (một) thẻ thư viện số T32-17.171-SOGD 1703 mang tên Phạm Thị Thùy D; 01 (một) bằng tốt nghiệp cao đẳng số A0001717 mang tên Lê Thị H; 01 (một) sổ hộ khẩu số 510209383 mang tên chủ hộ Nguyễn Thị Ngọc P; 01 (một) sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Trần T; 02 (hai) giấy khai

sinh mang tên Nguyễn Thị Mỹ Y; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số 2802708129-002 mang tên Mai Thị H và 20 (hai mươi) tờ giấy có ghi nội dung liên quan đến việc vay, mượn tiền được đánh số từ 01 đến 20.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 017571 mang tên Dương Thanh Hùng trả cho chị Dương Thị H.

+ 01 (một) CCCD số 045179000866 mang tên Trần Thị M trả lại cho chị Trần Thị M.

+ 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 000905 mang tên Đặng Bường trả cho chị Đặng Thị Minh H.

+ 01 (một) giấy phép lái xe số AP724237 mang tên Nguyễn Thị Kim H trả cho chị Nguyễn Thị Kim H.

+ 01 (một) giấy phép lái xe số 451202000235 mang tên Trần Thị Anh T và 01 (một) CMND không rõ số, mang tên Trần Thị Anh T trả cho chị Trần Thị Anh T.

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 30C8001318 mang tên Lê Hoa trả cho chị Lê Thị H.

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 30C003698 mang tên Hoàng Văn Quý trả cho chị Nguyễn Thị L.

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 30C003513 mang tên Trần Thị H3 trả cho chị Trần Thị H3.

+ 01 (một) CCCD số 045187000538 mang tên Trần Thị T trả lại cho chị Trần Thị T.

+ 01 (một) giấy phép lái xe số 451131003383 mang tên Ngô Thị T và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 006327 mang tên Nguyễn Nam trả lại cho chị Ngô Thị T.

+ 01 (một) CCCD số 026160006927 mang tên Phạm Thị T trả cho chị Phạm Thị T.

[5]. Về án phí: Bị cáo Đặng Ngọc Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm khoản 2 Điều 201, Điều 38, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Ngọc Đ phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt: Phạt bị cáo Đặng Ngọc Đ 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam trước đây (từ ngày 05/10/2023 đến ngày 26/12/2023).

3. Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng đồng, số IMEI: 356572087095590.

- Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 017262 mang tên Lê Anh S; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 75006497 mang tên Nguyễn A; 01 (một) giấy phép lái xe số AU672259 mang tên Phùng Thị Anh T 01 (một) giấy phép lái xe số 451224082640 mang tên Lê Thị Thúy P; 01 (một) CCCD số 045194003400 mang tên Lê Thị Duyên; 01 (một) CCCD số 045058002787 mang tên Tạ Quang Đ; 01 (một) CMND số 197004685 mang tên Hồ Thị Hồng Y; 01 (một) CMND số 197087973 mang tên Phùng Thị Anh T; 01 (một) thẻ thư viện số T32-17.171-SOGD 1703 mang tên Phạm Thị Thùy D; 01 (một) bằng tốt nghiệp cao đẳng số A0001717 mang tên Lê Thị H; 01 (một) sổ hộ khẩu số 510209383 mang tên chủ hộ Nguyễn Thị Ngọc Phương; 01 (một) sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Trần Thọ; 02 (hai) giấy khai sinh mang tên Nguyễn Thị Mỹ Y; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số 2802708129-002 mang tên Mai Thị H và 20 (hai mươi) tờ giấy có ghi nội dung liên quan đến việc vay, mượn tiền được đánh số từ 01 đến 20.

- Chuyển đến Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Bình để trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Trả cho chị Dương Thị H 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 017571 mang tên Dương Thanh H.

+ Trả lại cho chị Trần Thị M 01 (một) CCCD số 045179000866 mang tên Trần Thị M.

+ Trả cho chị Nguyễn Thị Kim H 01 (một) giấy phép lái xe số AP724237 mang tên Nguyễn Thị Kim H.

+ Trả cho chị Trần Thị Anh T 01 (một) giấy phép lái xe số 451202000235 mang tên Trần Thị Anh T và 01 (một) CMND không rõ số, mang tên Trần Thị Anh T.

+ Trả cho chị Lê Thị H 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 30C8001318 mang tên Lê Thị H.

+ Trả cho chị Nguyễn Thị L 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 30C003698 mang tên Hoàng Văn Quý.

+ Trả cho chị Trần Thị H3 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 30C003513 mang tên Trần Thị H3.

+ Trả lại cho chị Trần Thị T 01 (một) CCCD số 045187000538 mang tên Trần Thị T.

+ Trả lại cho chị Ngô Thị T 01 (một) giấy phép lái xe số 451131003383 mang tên Ngô Thị T và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 006327 mang tên Nguyễn Nam.

+ Trả cho chị Phạm Thị T 01 (một) CCCD số 026160006927 mang tên Phạm Thị T.

- Trả lại cho chị Đặng Thị Minh H ngay sau khi kết thúc phiên toà: 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 000905 mang tên Đặng Bường.

4. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Đặng Ngọc Đ phải nộp lại số tiền 894.860.000 đồng (tám trăm chín mươi bốn triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng) sử dụng vào việc phạm tội và nộp lại số tiền 12.391.233 đồng là tiền do phạm tội mà có để sung ngân sách nhà nước. Tổng số tiền bị cáo Đặng Ngọc Đ phải nộp lại để sung Ngân sách Nhà nước là: 907.251.233 đồng.

- Buộc bị cáo Đặng Ngọc Đ phải trả lại số tiền 287.248.766 đồng (hai trăm tám mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn, bảy trăm sáu mươi sáu đồng) thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cụ thể:

+ Trả lại cho chị Trần Thị D 2.354.110 đồng (hai triệu ba trăm năm mươi tư nghìn một trăm mười đồng).

+ Trả lại cho chị Lê Thị H 3.163.014 đồng (ba triệu một trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng).

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim T 5.726.027 đồng (năm triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị Tố U 6.726.027 đồng (sáu triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

+ Trả lại cho chị Trương Thị T 7.022.316 đồng (bảy triệu không trăm hai mươi hai nghìn ba trăm mười sáu đồng).

+ Trả lại cho chị Lê Thị H 16.286.081 đồng (mười sáu triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn không trăm tám mươi mốt đồng).

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị H 6.226.027 đồng (sáu triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị H 2.863.014 đồng (hai triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng).

+ Trả lại cho chị Bùi Thị Phương T 2.208.904 đồng (hai triệu hai trăm linh tám nghìn chín trăm linh bốn đồng).

+ Trả lại cho chị Phạm Thị Kim N 7.273.288 đồng (bảy triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng).

+ Trả lại cho chị Trần Thị T 12.459.590 đồng (mười hai triệu bón trăm năm mươi chín nghìn năm trăm chín mươi đồng).

+ Trả lại cho chị Trương Thị Thúy H 9.143.836 đồng (chín triệu một trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng).

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị Chung T 10.089.042 đồng (mười triệu không trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi hai đồng).

+ Trả lại cho chị Trần Thị H 10.616.438 đồng (mười triệu sáu trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng).

+ Trả lại cho chị Hoàng Thị L 15.665.754 đồng (mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi bốn đồng).

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị Mai H 5.458.904 đồng (năm triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn chín trăm linh bốn đồng).

+ Trả lại cho chị Trần Thị H1 3.363.014 đồng (ba triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng).

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc Q 8.407.535 đồng (tám triệu bố n trămlinh bảy nghìn năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị Q 3.363.014 đồng (ba triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng).

+ Trả lại cho chị Phạm Thị B 20.705.480 đồng (hai mươi triệu bảy trăm linh năm nghìn bốn trăm tám mươi đồng).

+ Trả lại cho chị Phạm Thị B 10.089.041 đồng (mười triệu không trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi mốt nghìn).

+ Trả lại cho chị Phạm Thị Thùy D 1.728.767 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng T 1.481.507 đồng (một triệu bốn trăm tám mươi mốt nghìn năm trăm linh bảy đồng).

+ Trả lại anh Trương Văn P 1.481.507 đồng (một triệu bốn trăm tám mươi mốt nghìn năm trăm linh bảy đồng).

+ Trả lại cho chị Lê Thị H 4.591.781 đồng (bốn triệu năm trăm chín mươi mốt nghìn bảy trăm tám mươi mốt đồng).

+ Trả lại cho chị Trần Thị H Thắm 5.789.041 đồng (năm triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi mốt đồng).

+ Trả lại cho chị Võ Thị Nhan Nhi 2.835.616 đồng (hai triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng).

+ Trả lại cho chị Bùi Thị H 1.681.507 đồng (một triệu sáu trăm tám mươi mốt nghìn năm trăm linh bảy đồng).

+ Trả lại cho chị Võ Thị H 2.280.822 đồng (hai triệu hai trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng).

+ Trả lại cho chị Lê Thị Thúy P 4.950.000 đồng (bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Trả lại cho chị Lê Thị E 3.363.014 đồng (ba triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng).

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị Diệu Trinh 5.578.904 đồng (năm triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm linh bốn đồng).

+ Trả lại cho chị Trần Thị T 2.863.014 đồng (hai triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng).

+ Trả lại cho chị Ngô Thị T 3.363.014 đồng (ba triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng).

+ Trả lại cho chị Dương Thị H 5.043.499 đồng (năm triệu không trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng).

+ Trả lại cho chị Trần Thị Thu Phượng 12.133.563 đồng (mười hai triệu một trăm ba mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng).

+ Trả lại cho chị Trần Thị Anh T 11.770.548 đồng (mười một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng).

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị L 16.815.068 đồng (mười sáu triệu tám trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng).

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị T 5.380.822 đồng (năm triệu ba trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng).

+ Trả lại cho chị Trần Thị M 3.163.014 đồng (ba triệu một trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng).

+ Trả lại cho chị Lê Thị Thu H 1.181.507 đồng (một triệu một trăm tám mươi mốt nghìn năm trăm linh bảy đồng).

+ Trả lại cho chị Phạm Thị T 2.606.849 đồng (hai triệu sáu trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng).

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim H 2.201.370 đồng (hai triệu hai trăm linh một nghìn ba trăm bảy mươi đồng).

+ Trả lại cho chị Trần Thị H3 972.603 đồng (chín trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm linh ba đồng).

+ Trả lại cho chị Đặng Thị Minh H 1.417.808 đồng (một triệu bốn trăm mười bảy nghìn tám trăm linh tám đồng).

+ Trả lại cho chị Phan Thị Y N 9.589.041 đồng (chín triệu năm trăm tám mươi chín không trăm bốn mươi mốt đồng).

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền gốc đã vay của bị cáo Đặng Ngọc Đ nhưng chưa trả cho bị cáo để sung vào Ngân sách nhà nước với tổng số tiền 124.140.000 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng), cụ thể:

+ Chị Trương Thị T phải nộp số tiền 5.600.000 đồng (năm triệu sáu trăm nghìn đồng).

+ Chị Bùi Thị Phương T phải nộp số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

+ Chị Phạm Thị Kim N phải nộp số tiền 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

+ Chị Trần Thị T phải nộp số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

+ Chị Trần Thị H phải nộp số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

+ Chị Hoàng Thị L phải nộp số tiền 6.400.000 đồng (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

+ Chị Nguyễn Thị Mai H phải nộp số tiền 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

+ Chị Phạm Thị B phải nộp số tiền 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng).

+ Chị Phạm Thị Thùy D phải nộp số tiền 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

+ Chị Lê Thị H phải nộp số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

+ Chị Lê Thị Thúy P phải nộp số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng).

+ Chị Nguyễn Diệu T phải nộp số tiền 16.240.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

+ Chị Ngô Thị T phải nộp số tiền 7.200.000 đồng (bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

+ Chị Dương Thị H phải nộp số tiền 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng).

+ Chị Phạm Thị T phải nộp số tiền 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng).

+ Chị Nguyễn Thị Kim H phải nộp số tiền 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

+ Chị Trần Thị H3 phải nộp số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thu hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để trả cho bên được thi hành án.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Đặng Ngọc Đ phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với những người có mặt tại phiên tòa) hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định (đối với những người vắng mặt tại phiên tòa).

Nơi nhận:
- Theo khoản 1 Điều 262 BLTTHS;
- Cục THADS tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh QB:
- Vụ GĐKT 1 TAND TC (khi án sơ thẩm có HL);
- Phòng HSNV CAQB (PV06);
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn, VP TAQB.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**